

THÔNG BÁO

Tuyển sinh trình độ Tiến sĩ năm 2025

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ năm 2025 như sau:

1. NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

STT	Hệ tuyển sinh	Ngành	Mã số ngành	Khóa	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Tiến sĩ	Tài chính – Ngân hàng	9340201	29	15
2	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	9340101	05	12
3	Tiến sĩ	Luật Kinh tế	9380107	02	5

2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

• **Hình thức đào tạo:** Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó, khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

• **Thời gian đào tạo:**

- Đối với người có bằng Thạc sĩ: 03 năm;
- Đối với người có bằng Đại học: 04 năm.

3. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ phải đáp ứng được các điều kiện sau:

3.1. Điều kiện về văn bằng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành đúng, phù hợp (đạt loại giỏi trở lên) hoặc có bằng thạc sĩ với các chuyên ngành được qui định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông báo này;

b) Người dự tuyển có bằng đại học chuyên ngành phù hợp, hoặc có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng theo định hướng ứng dụng phải học bổ sung kiến thức trình độ cao học để đáp ứng yêu cầu năng lực và chuyên môn ngành dự tuyển. Các học phần bổ sung kiến thức trình độ cao học theo yêu cầu được thể hiện trong mỗi chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tương ứng (cụ thể tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông báo này)

3.2. Điều kiện về ngoại ngữ

3.2.1. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Anh;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ tiếng Anh khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

3.2.2. Người dự tuyển là công dân nước ngoài, ngoài các quy định về điều kiện tiếng Anh tại tiểu mục 3.2.1, phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

3.3. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc là tác giả chính của 01 bài báo, báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu, đã được đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên;

Danh mục tạp chí được chấp nhận tính điều kiện bài báo khoa học tra cứu tại http://hdgsnn.gov.vn/tin-tuc/quyet-dinh-so-25-qd-hdgsnn-phe-duyet-danh-muc-tap-chi-khoa-hoc-duoc-tinh-diem-nam-2024_788/

3.4. Điều kiện khác

Có dự thảo đề cương nghiên cứu và bảng đăng ký kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Bản dự thảo kế hoạch học tập toàn khóa phải đảm bảo không được chậm hơn so với kế hoạch chuẩn quy định tại Phụ lục 4 và được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông báo này.

4. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

4.1. Đơn dự tuyển nghiên cứu sinh (01 bản theo mẫu 01)

4.2. Lý lịch khoa học và thông tin cá nhân (01 bản theo mẫu 02)

4.3. Bản sao có chứng thực văn bằng Thạc sĩ, bằng điểm/phụ lục văn bằng cao học hoặc văn bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm/phụ lục văn bằng đại học (Đối với ứng viên có đầu vào dự tuyển là cử nhân), văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ: mỗi loại 02 bản.

Các văn bằng học ở nước ngoài hoặc liên kết phải có xác nhận của Cục Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công nhận văn bằng.

4.4. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (07 bản)

a) Đối với luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu: sao chụp trang bìa và mục lục luận văn;

b) Đối với các bài báo khoa học: bản sao các bài báo khoa học đã công bố gồm trang bìa, trang mục lục và toàn bộ nội dung bài báo khoa học;

c) Đối với đề tài nghiên cứu khoa học: sao chụp Quyết định/Hợp đồng giao đề tài nghiên cứu, Biên bản nghiệm thu đề tài, Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền và Bản tóm tắt nội dung nghiên cứu (khoảng 10 trang);

d) Đối với kinh nghiệm công tác của giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên: Giấy xác nhận của cơ quan công tác là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học; trong đó, nêu rõ thời gian đã công tác tại cơ quan.

4.5. Bài luận dự định nghiên cứu (07 bản). Thực hiện theo hướng dẫn với bài luận dự định nghiên cứu theo qui định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông báo này.

4.6. Căn cước công dân: 01 bản sao công chứng. Đối với người nước ngoài: nộp 01 bản sao công chứng hộ chiếu.

4.7. Bảng dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (01 bản theo mẫu 03)

4.8. Bản cam kết về tính trung thực văn bằng, chứng chỉ (01 bản theo mẫu 04)

4.9. Thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân bổ chỉ tiêu và Công văn hoặc Quyết định cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp, theo qui định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức theo Quyết định 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chính Phủ về việc phê duyệt đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý (nếu có).

5. HÌNH THỨC TUYỂN SINH: XÉT TUYỂN

Quy trình xét tuyển như sau:

- Người dự tuyển trình bày bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu (*hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu xem tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông báo này*) trước Ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Các thành viên ban chuyên môn đặt câu hỏi để ứng viên trả lời về các vấn đề liên quan đến nội dung bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu.

- Ban chuyên môn đánh giá người dự tuyển trên cơ sở: kết quả đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; kết quả nghiên cứu khoa học; bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu; năng lực và phẩm chất của người dự tuyển.

6. HỌC PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THỜI GIAN XÉT TUYỂN, ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

- Học phí của hệ đào tạo Tiến sĩ năm học 2024 - 2025 là: **52.780.000 đồng/năm.**

- Lệ phí xét tuyển: **1.000.000 đồng. Nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua:**

+ **Tên tài khoản:** Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Số tài khoản: 6170201009309

Mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 7 - TP.HCM

+ **Hoặc số tài khoản:** 0721000801777

Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Nội dung ghi rõ: “Họ tên, lệ phí xét tuyển NCS 2025”

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **20/5/2025.**

- Thời gian xét tuyển: **Dự kiến ngày 04/6/2025.** Thời gian cụ thể sẽ thông báo cho người dự tuyển tại trang thông tin điện tử và qua email.

- Nơi nhận hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (*Tầng sảnh, số 36 đường Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*).

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Sau 05 ngày kể từ ngày xét tuyển.

- Thời gian khai giảng: dự kiến sau 30 ngày kể từ ngày xét tuyển.

- Thông báo danh sách ứng viên dự tuyển, ngày xét tuyển, kết quả xét tuyển năm 2025 được đăng trên website của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM: <http://tuyensinh.hub.edu.vn/> và <https://khoasdh.hub.edu.vn/>; đồng thời qua địa chỉ mail mà nghiên cứu sinh cung cấp trong hồ sơ dự tuyển.

Mọi vấn đề liên quan đến xét tuyển nghiên cứu sinh của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM vui lòng liên hệ: Khoa Sau Đại học, số điện thoại: (028) 38.212.590, Email: khoasaudaihoc@hub.edu.vn; Cô Hà: 0938.249.679, Cô Linh: 0792.237.982.

Nơi nhận

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Các ngân hàng, Tổ chức tài chính, Doanh nghiệp;
- Website Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM;
- Phòng Quản lý công nghệ thông tin;
- Phòng Tuyển sinh và truyền thông;
- Các Trường Đại học, Viện nghiên cứu;
- Lưu: Khoa SĐH, VP.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Trung



DANH MỤC PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông báo số 403 /TB-ĐHNNH ngày 31 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

Phụ lục 01. Danh mục ngành tuyển sinh trình độ Tiến sĩ

Phụ lục 02. Danh mục bổ sung kiến thức cao học cho ứng viên dự tuyển trình độ Tiến sĩ

Phụ lục 03. Bảng tham chiếu Chứng chỉ Ngoại ngữ

Phụ lục 04. Kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh

Phụ lục 05. Yêu cầu với bài luận dự định nghiên cứu

Phụ lục 01. Danh mục ngành tuyển sinh trình độ Tiến sĩ

I. DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC VỚI NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Ứng viên tốt nghiệp Thạc sĩ các ngành sau đây được dự thi đầu vào chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng:

1. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành đúng, phù hợp khi ngành đào tạo là:

a) Ngành thuộc danh mục Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm trong danh mục Thống kê các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ theo Quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm;

b) Ngành đào tạo thạc sĩ không có tên ở mục a nêu trên, nhưng chương trình đào tạo khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng.

2. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành gần là:

a) Ngành đào tạo thạc sĩ cùng khối Kinh doanh và quản lý trong danh mục Thống kê các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ theo Quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ trường hợp đã được qui định là ngành phù hợp tại mục 1 nêu trên) gồm: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Kế toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;

b) Ngành không được liệt kê ở trên nhưng được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng khi chương trình đào tạo của chuyên ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng.

3. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành khác với ngành dự thi đào tạo trình độ Tiến sĩ Tài chính- Ngân hàng khi ngành đào tạo không thuộc nhóm ngành trên, nhưng có hướng nghiên cứu về Tài chính - Ngân hàng.

II. DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC VỚI NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Ứng viên tốt nghiệp Thạc sĩ các ngành sau đây được dự thi đầu vào chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh:

1. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành đúng, phù hợp khi ngành đào tạo là:

a) Chuyên ngành thuộc nhóm ngành kinh doanh trong khối ngành Kinh doanh và quản lý thuộc danh mục Thống kê các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ theo Quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại;

b) Một số chuyên ngành khác như: Quản trị nhân lực, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh tế và kinh doanh quốc tế, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may;

c) Ngành Tốt nghiệp Thạc sĩ không có tên ở trên nhưng chỉ khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Quản trị kinh doanh.

2. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành gần là:

a) Ngành đào tạo thạc sĩ cùng khối ngành Kinh doanh và quản lý trong danh mục Thống kê các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ theo Quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ trường hợp đã được quy định là ngành phù hợp tại mục 1 nêu trên) gồm: Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;

b) Ngành đào tạo thạc sĩ là các ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế, Quản trị và Quản lý: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế;

c) Ngành tốt nghiệp thạc sĩ không được liệt kê ở trên được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành Quản trị kinh doanh khi chương trình đào tạo của chuyên ngành này khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Quản trị kinh doanh.

3. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành khác với chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ Tiến sĩ Quản trị kinh doanh khi ngành đào tạo không thuộc nhóm ngành trên, nhưng có hướng nghiên cứu về quản trị kinh doanh.

III. DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VỚI NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Ứng viên tốt nghiệp Thạc sĩ các ngành sau đây được dự thi đầu vào chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Luật Kinh tế:

1. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành đúng, phù hợp khi ngành đào tạo là:

a) Ngành đúng

- Luật Kinh tế

b) Chuyên ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức

- Luật Dân sự và tố tụng dân sự

- Luật Quốc tế

c) Chuyên ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức

- Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

- Luật Hình sự và tố tụng hình sự

- Luật hiến pháp và luật hành chính.

- Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

2. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành gần là:

Người dự tuyển có bằng thạc sĩ ngành Quản lý công, Hành chính công, chính sách công có thể tham gia dự tuyển nghiên cứu sinh ngành Luật Kinh tế và phải học bổ sung kiến thức giống như người có bằng cử nhân luật.

Ứng viên tốt nghiệp cử nhân luật: các ngành/chuyên ngành sau đây được dự thi đầu vào chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Luật Kinh tế: Luật, Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật Kinh tế, Luật Quốc tế, Luật Kinh doanh, Luật Thương mại quốc tế.

Phụ lục 02. Danh mục bổ sung kiến thức cao học cho ứng viên dự tuyển trình độ Tiến sĩ

I. BỔ SUNG KIẾN THỨC CAO HỌC CHO NGHIÊN CỨU SINH NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Đối với người chưa có bằng Thạc sĩ (có bằng Đại học chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng) hoặc có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành khác với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, học 12 môn, tổng số 46 tín chỉ, bao gồm:

a. Các học phần bắt buộc: 26 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	PHI501	Triết học (Philosophy)	4	Tiếng Việt
2	RME503	Phương pháp nghiên cứu nâng cao (Advanced Research methods)	4	Tiếng Việt
3	BAF503	Các chủ đề đương đại về tài chính – ngân hàng (Emerging Topics in Banking and Finance)	4	Tiếng Việt
4	LAW503	Luật kinh tế - tài chính – ngân hàng (Economic – Financial and Banking Law)	4	Tiếng Việt
5	FIN517	Thẩm định dự án nâng cao (Advanced Project Appraisal)	4	Tiếng Việt
6	FIN518	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư (Financial Investment and Portfolio Management)	3	Tiếng Việt
7	BAF505	Quản trị ngân hàng hiện đại nâng cao (Advanced Modern Banking Management)	3	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ			26	

b. Các học phần tự chọn: 20 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
I. Các học phần tự chọn 1: 8 tín chỉ (chọn 2 trong 6 học phần)			8	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	FIN514	Tài chính quốc tế nâng cao (Advanced International Finance)	4	Tiếng Việt
2	BAF504	Các quy định và giám sát hoạt động ngân hàng (Bank Regulation and Supervision)	4	Tiếng Việt
3	FIN515	Tài chính doanh nghiệp nâng cao (Advanced Corporate Finance)	4	Tiếng Việt
4	ECO506	Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế (Data Analysis and Economic Forecasting)	4	Tiếng Việt
5	DSB527	Khoa học dữ liệu trong tài chính ngân hàng (Data Science in Banking and Finance)	4	Tiếng Việt
6	FAB528	Fintech và trí tuệ nhân tạo trong tài chính ngân hàng (Fintech and Ai in Finance and Banking)	4	Tiếng Việt
II. Các học phần tự chọn 2: 12 tín chỉ (Chọn 3 trong 7 học phần)			12	
1	MGT518	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nâng cao (Advanced Leadership and Management)	4	Tiếng Việt
2	FIN516	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính (Financial Derivatives and Risk Management)	4	Tiếng Việt
3	FIN520	Tài chính hành vi (Behavioral Finance)	4	Tiếng Việt
4	AUD501	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (Internal Auditing and Control)	4	Tiếng Việt
5	BFB529	Blockchain và ứng dụng trong tài chính ngân hàng (Blockchain and its application in Finance & Banking)	4	Tiếng Việt
6	BBA530	Bigdata và phân tích dữ liệu mạng khách hàng (Bigdata and Analytics)	4	Tiếng Việt
7	MAB531	Ứng dụng Machine learning trong tài chính ngân hàng (Machine learning Application in Finance and Banking)	4	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ (I+II)			20	

2. Đối với người có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành gần với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, hoặc có bằng Thạc sĩ chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng nhưng theo hướng ứng dụng, học 04 môn, tổng số 15 tín chỉ, bao gồm:

a. Các học phần bắt buộc: 7 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	BAF505	Quản trị ngân hàng hiện đại nâng cao (Advanced Modern Banking Management)	3	Tiếng Việt
2	BAF503	Các chủ đề đương đại về tài chính – ngân hàng (Emerging Topics in Banking and Finance)	4	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ			7	

b. Các học phần tự chọn: 8 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
I. Các học phần tự chọn 1: 4 tín chỉ (chọn 1 trong 6 học phần)			4	
1	FIN514	Tài chính quốc tế nâng cao (Advanced International Finance)	4	Tiếng Việt
2	BAF504	Các quy định và giám sát hoạt động ngân hàng (Bank Regulation and Supervision)	4	Tiếng Việt
3	FIN515	Tài chính doanh nghiệp nâng cao (Advanced Corporate Finance)	4	Tiếng Việt
4	ECO506	Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế (Data Analysis and Economic Forecasting)	4	Tiếng Việt
5	DSB527	Khoa học dữ liệu trong tài chính ngân hàng (Data Science in Banking and Finance)	4	Tiếng Việt
6	FAB528	Fintech và trí tuệ nhân tạo trong tài chính ngân hàng (Fintech and Ai in Finance and Banking)	4	Tiếng Việt

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
II. Các học phần tự chọn 2: 4 tín chỉ (Chọn 1 trong 7 học phần)			4	
1	MGT518	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nâng cao (Advanced Leadership and Management)	4	Tiếng Việt
2	FIN516	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính (Financial Derivatives and Risk Management)	4	Tiếng Việt
3	FIN520	Tài chính hành vi (Behavioral Finance)	4	Tiếng Việt
4	AUD501	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (Internal Auditing and Control)	4	Tiếng Việt
5	BFB529	Blockchain và ứng dụng trong tài chính ngân hàng (Blockchain and its application in Finance & Banking)	4	Tiếng Việt
6	BBA530	Bigdata và phân tích dữ liệu mạng khách hàng (Bigdata and Analytics)	4	Tiếng Việt
7	MAB531	Ứng dụng Machine learning trong tài chính ngân hàng (Machine learning Application in Finance and Banking)	4	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ (I+II)			8	

Việc học bổ sung kiến thức sẽ thực hiện sau khi nghiên cứu sinh trúng tuyển.

II. BỔ SUNG KIẾN THỨC CAO HỌC NGHIÊN CỨU SINH NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Đối với Nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ (có bằng Đại học chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành Quản trị Kinh doanh) hoặc có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành khác với chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, học 12 môn, tổng số 46 tín chỉ, bao gồm:

a. Các học phần bắt buộc: 36 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	PHI501	Triết học (Philosophy)	4	Tiếng Việt
2	QRB534	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh (Quantitative research in business)	4	Tiếng Việt
3	MGT535	Quản trị hiện đại và đổi mới sáng tạo (Modern management and Innovation)	4	Tiếng Việt
4	LAW536	Luật kinh doanh (Business law)	4	Tiếng Việt
5	FIN540	Tài chính cho nhà quản trị (Finance for Managers)	4	Tiếng Việt
6	MGT541	Quản trị chiến lược nâng cao (Strategic management - Advanced)	4	Tiếng Việt
7	MGT542	Quản trị marketing và thương hiệu (Marketing and Brand management)	4	Tiếng Việt
8	MGT543	Lãnh đạo trong kỷ nguyên số (Leadership in digital age)	4	Tiếng Việt
9	MGT544	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược (Strategic human resource management)	4	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ			36	

b. Các học phần tự chọn: 10 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
I. Phần kiến thức tự chọn 1: 3 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần)			3	
1	MGT537	Quản trị dự án nâng cao (Project management - Advanced)	3	Tiếng Việt
2	ODC538	Phát triển tổ chức (Organization Development)	3	Tiếng Việt
3	IMC539	Truyền thông marketing tích hợp số (Integrated digital marketing communication)	3	Tiếng Việt
II. Phần kiến thức tự chọn 2: 7 tín chỉ (chọn 2 trong 5 học phần)			7	
1	BUS545	Thương mại điện tử và kinh doanh số (E- Commerce and E-Business Management)	3	Tiếng Việt
2	MGT546	Quản trị vận hành nâng cao (Operation management - Advanced)	3	Tiếng Việt
3	BAB547	Ứng dụng Blockchain trong quản trị kinh doanh (Blockchains applications in business)	4	Tiếng Việt
4	MGT548	Quản trị và khai thác dữ liệu lớn (Big data management and mining)	4	Tiếng Việt
5	ABF549	Phân tích dữ liệu trong tài chính và kinh doanh (Data Analysis for Business and Finance)	4	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ (I+II)			10	

2. Đối với Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành gần với chuyên ngành Quản trị kinh doanh, hoặc có bằng Thạc sĩ chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp Quản trị kinh doanh nhưng theo hướng ứng dụng, học 04 môn, tổng số 15 tín chỉ, bao gồm:

a. Các học phần bắt buộc: 8 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	FIN540	Tài chính cho nhà quản trị (Finance for Managers)	4	Tiếng Việt

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
2	MGT544	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược (Strategic human resource management)	4	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ			8	

b. Các học phần tự chọn: 7 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
I. Phần kiến thức tự chọn 1: 3 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần)			3	
1	MGT537	Quản trị dự án nâng cao (Project management - Advanced)	3	Tiếng Việt
2	ODC538	Phát triển tổ chức (Organization Development)	3	Tiếng Việt
3	IMC539	Truyền thông marketing tích hợp số (Integrated digital marketing communication)	3	Tiếng Việt
II. Phần kiến thức tự chọn 2 : 4 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần)			4	
1	BAB547	Ứng dụng Blockchain trong quản trị kinh doanh (Blockchains applications in business)	4	Tiếng Việt
2	MGT548	Quản trị và khai thác dữ liệu lớn (Big data management and mining)	4	Tiếng Việt
3	ABF549	Phân tích dữ liệu trong tài chính và kinh doanh (Data Analysis for Business and Finance)	4	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ (I+II)			7	

Việc học bổ sung kiến thức sẽ thực hiện sau khi nghiên cứu sinh trúng tuyển.

III. BỔ SUNG KIẾN THỨC CAO HỌC CHO NGHIÊN CỨU SINH NGÀNH LUẬT KINH TẾ

1. Đối với người có bằng Thạc sĩ Luật (định hướng ứng dụng) hoặc có bằng Thạc sĩ thuộc chuyên ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật Hình sự và tổ tụng hình sự, Luật hiến pháp và luật hành chính, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, học 4 học phần, tổng số 12 tín chỉ, bao gồm:

a. Các học phần bắt buộc: 4 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	LAW 564	Pháp luật về phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh/ <i>Sustainable Development and Social Responsibility in Doing Business and the Law.</i>	02	Tiếng Việt
2	LAW 565	Pháp luật kinh tế trong bối cảnh triển khai các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới/ <i>Economic Law in the context of implementation the New Generation Free Trade Agreement</i>	02	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ			04	

b. Các học phần tự chọn: 8 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
I. Học phần tự chọn định hướng nghiên cứu 1			04	
1	LAW555	Pháp luật về tài sản (Property Law)	04	Tiếng Việt
2	LAW556	Tội phạm kinh tế (Economic crime)	04	Tiếng Việt
3	LAW557	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng (Competition law and consumer protection)	04	Tiếng Việt
4	LAW558	Pháp luật về sở hữu trí tuệ (Intellectual property law)	04	Tiếng Việt
II. Học phần tự chọn định hướng nghiên cứu 2			04	
1	LAW560	Pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản (Land law and real estate business)	04	Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
2	LAW561	Pháp luật về thuế trong kinh doanh (Business Tax Law)	04	Tiếng Việt
3	LAW562	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản (Law on bidding and property auction)	04	Tiếng Việt
4	LAW563	Pháp luật về chứng khoán (Law on securities)	04	Tiếng Việt
Tổng số tín chỉ			08	

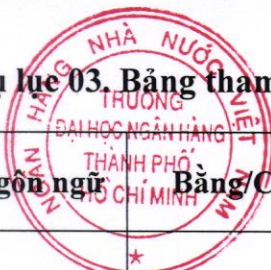
2. Đối với người chưa có bằng Thạc sĩ (Có bằng cử nhân luật, bao gồm các chuyên ngành: Luật, Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật Kinh tế, Luật Quốc tế, Luật Kinh doanh, Luật Thương mại quốc tế) hoặc có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành gần với ngành Luật kinh tế, học 12 học phần, tổng số 48 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
I	Học phần bắt buộc phần kiến thức chung		4	
1	PHI 501	Triết học (Philosophy)	4	Tiếng Việt
II	Các học phần bắt buộc phần kiến thức cơ sở		12	
2	RME 505	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý (Legal methods)	4	Tiếng Việt
3	LAW 506	Pháp luật về chủ thể kinh doanh (Law on business subjects)	4	Tiếng Việt
4	LAW 508	Pháp luật về lao động và an sinh xã hội (Labor law and social security)	4	Tiếng Việt
III	Các học phần tự chọn phần kiến thức cơ sở		8/16	
5	LAW 555	Pháp luật về tài sản (Property Law)	4	Tiếng Việt
6	LAW 556	Tội phạm kinh tế (Economic crime)	4	Tiếng Việt
7	LAW 557	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng (Competition law and consumer protection)	4	Tiếng Việt
8	LAW 558	Pháp luật về sở hữu trí tuệ (Intellectual property law)	4	Tiếng Việt

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
IV	Các học phần bắt buộc phần kiến thức chuyên ngành		16	
9	LAW 553	Pháp luật về ngân hàng (Banking Law)	4	Tiếng Việt
10	LAW 554	Pháp luật về hợp đồng (Law on Contracts)	4	Tiếng Việt
11	LAW 552	Pháp luật về thương mại (Commercial Law)	4	Tiếng Việt
12	LAW 559	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại (Laws on disputes in commercial business)	4	Tiếng Việt
Các học phần tự chọn phần kiến thức chuyên ngành			8/16	
13	LAW 560	Pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản (Land law and real estate business)	4	Tiếng Việt
14	LAW 561	Pháp luật về thuế trong kinh doanh (Business Tax Law)	4	Tiếng Việt
15	LAW 562	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản (Law on bidding and property auction)	4	Tiếng Việt
16	LAW 563	Pháp luật về chứng khoán (Law on securities)	4	Tiếng Việt
Tổng cộng			48	

Việc học bổ sung kiến thức sẽ thực hiện sau khi nghiên cứu sinh trúng tuyển.

Phụ lục 03. Bảng tham chiếu Chứng chỉ Ngoại ngữ



Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
	IELTS	Từ 5.5 trở lên
	Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
	Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL)	Từ B2 trở lên
	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Không chấp nhận chứng chỉ theo hình thức Home Edition.

Phụ lục 04. Kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh



**KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định công nhận Nghiên cứu sinh số : /QĐ-ĐHNH,
ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh)

Ngành: **Khóa:**

I. Đối với Nghiên cứu sinh có đầu vào là Thạc sĩ ngành phù hợp và ngành gần.

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu	Nhiệm vụ và kết quả Nghiên cứu sinh đạt được
Năm thứ 1 (Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Các học phần bổ sung chuyên ngành (nếu có)	NCS ngành gần	Bảng điểm kết thúc học phần
	Các học phần thuộc trình độ Tiến sĩ	6 tín chỉ	Bảng điểm kết thúc học phần
	Tiểu luận tổng quan và Đề cương nghiên cứu chi tiết luận án tiến sĩ	6 tín chỉ	Bảng điểm bài tiểu luận và đề cương chi tiết luận án tiến sĩ
	Hai chuyên đề tiến sĩ	6 tín chỉ	Bảng điểm chuyên đề tiến sĩ
	Triển khai một phần nội dung luận án tiến sĩ	12 tín chỉ	Dự thảo một phần nội dung luận án
Năm thứ 2 (Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Triển khai viết luận án và bảo vệ luận án tại đơn vị chuyên môn	30 tín chỉ	Dự thảo toàn bộ nội dung luận án và các bài viết công bố tạp chí, hội thảo
Năm thứ 3 (Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Trình hồ sơ phản biện độc lập	30 tín chỉ	Hoàn thiện luận án
	Bảo vệ luận án cấp Trường		Hoàn thiện luận án
	Chỉnh sửa sau bảo vệ cấp Trường nộp cho Thư viện và đăng tải Website		Hoàn thiện luận án
	Họp xét công nhận tốt nghiệp		Hoàn thiện bộ hồ sơ theo qui định

II. Đối với Nghiên cứu sinh có đầu vào là Đại học ngành phù hợp và ngành khác.

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu	Nhiệm vụ và Kết quả Nghiên cứu sinh đạt được
Năm thứ 1 (Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Các học phần trình độ thạc sĩ	30 tín chỉ	Bảng điểm kết thúc học phần
Năm thứ 2 (Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Các học phần thuộc trình độ tiến sĩ	6 tín chỉ	Bảng điểm kết thúc học phần
	Tiểu luận tổng quan và Đề cương nghiên cứu chi tiết luận án tiến sĩ	6 tín chỉ	Bảng điểm bài tiểu luận và đề cương chi tiết luận án
	Hai chuyên đề tiến sĩ	6 tín chỉ	Bảng điểm chuyên đề tiến sĩ
	Triển khai một phần nội dung luận án tiến sĩ	12 tín chỉ	Dự thảo một phần nội dung luận án
Năm thứ 3 (Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Triển khai viết luận án và bảo vệ luận án tại đơn vị chuyên môn	30 tín chỉ	Dự thảo toàn bộ nội dung luận án và các bài viết công bố tạp chí, hội thảo
Năm thứ 4 (Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Trình hồ sơ phản biện độc lập	30 tín chỉ	Hoàn thiện luận án
	Bảo vệ luận án cấp Trường		Hoàn thiện luận án
	Chỉnh sửa sau bảo vệ cấp Trường nộp cho Thư viện và đăng tải Website		Hoàn thiện luận án
	Họp xét công nhận tốt nghiệp		Hoàn thiện bộ hồ sơ theo qui định

Phụ lục 05. Yêu cầu với bài luận dự định nghiên cứu

YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI LUẬN VỀ DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU

I. Về nội dung: Bài luận về dự định nghiên cứu những nội dung chính sau đây:

1. Tính cấp thiết đề tài
2. Lược khảo các nghiên cứu liên quan
3. Các khoảng trống chưa nghiên cứu
4. Tên đề tài dự định nghiên cứu
5. Mục tiêu nghiên cứu
6. Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)
7. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu nghiên cứu
8. Kinh nghiệm (về nghiên cứu, các công trình bài viết liên quan của tác giả về đề tài, kinh nghiệm thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác); kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của ứng viên trong vấn đề dự định nghiên cứu
9. Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).

II. Về dung lượng: Bài luận dài 10 - 15 trang